

Số: 453/BC – UBND

Phú Quốc, ngày 17 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI
ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ 2 NĂM 2024

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2024 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **8.900,130** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **5.455,130** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **4.223,130** tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là **1.232** tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **3.445** tỷ đồng.

- Thực hiện thu NSNN ước quý 2 năm 2024 là **1.224,133** tỷ đồng, đạt **13,75%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **59,15%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 2 năm 2024 là **473,854** tỷ đồng, đạt **8,69%** dự toán thành phố quản lý, đạt **40,57%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý ước quý 2 năm 2024 là **750,279** tỷ đồng, đạt **21,78%** so dự toán, đạt **83,22%** so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **180,211** tỷ đồng, thì số thu 6 tháng được **293,643** tỷ đồng, đạt **23,83%** so dự toán, đạt **143,41%** so cùng kỳ.

* *Dự toán thu điều tiết (năm 2024 là 510,784 tỷ đồng): số thu điều tiết quý 2 sau khi loại trừ thu tiền đất thì số thu điều tiết được hưởng để chi cân đối chi thường xuyên là 69,660 tỷ đồng (so số thu dự toán quý 2 năm 2024 thì hụt thu 58,039 tỷ đồng, đạt 54,55% và đạt 13,64% so dự toán năm).*

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 2 năm 2024 là **180,211** tỷ đồng, đạt **4,27%** so dự toán, đạt **18,71%** so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng **38,03%** trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý.

* *Thu tiền sử dụng đất ước quý 2 năm 2024 là 180,211 tỷ đồng. Thu điều tiết được hưởng để chi đầu tư 46,002 tỷ đồng (đã loại trừ ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất 68 tỷ đồng), trong đó: thu tiền sử dụng đất Tái định cư (hưởng 100%) là 0,795 tỷ đồng, thu tiền mặt trong dân và dự án do Chi Cục thuế thành phố Phú Quốc quản lý 75,344 tỷ đồng (điều tiết hưởng 60%) là 45,206 tỷ đồng; ghi chi tiền sử dụng đất (của Cty Đức Việt) là 68 tỷ đồng.*

* *Thu tiền thuê đất ước quý 2 năm 2024 là 36,072 tỷ đồng.*

b. Chi ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2024 là **1.994,731** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.305,731** tỷ đồng (Chi XDCB 305,334 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 1.000 tỷ đồng); Chi thường xuyên **548,709** tỷ đồng; Chi

cải cách tiền lương **60** tỷ đồng; Chi dự phòng **12,538** tỷ đồng; Chi khen thưởng **2,500** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **65,650** tỷ đồng.

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao năm 2024 kể cả điều chỉnh là **2.780,621** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.672,212** tỷ đồng (Chi XDCEB 305,334 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 1.000 tỷ đồng; Chi nguồn chi XDCEB được chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 366,878 tỷ đồng); Chi thường xuyên **958,202** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **61,594** tỷ đồng; Chi dự phòng **12,538** tỷ đồng; Chi khen thưởng **2,571** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **73,504** tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước quý 2 năm 2024 là **341,583** tỷ đồng, đạt **17,12%** so dự toán giao đầu năm, đạt **12,28%** so dự toán điều chỉnh, đạt **29,06%** so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước quý 2 năm 2024 là **70,460** tỷ đồng, đạt **12,84%** so dự toán giao đầu năm, đạt **7,35%** so dự toán điều chỉnh, đạt **50,08%** so cùng kỳ;

- Chi cải cách tiền lương ước quý 2 năm 2024 là **0,297** tỷ đồng, đạt **0,49%** so với dự toán, đạt **0,48%** so dự toán điều chỉnh; đạt **198,98%** so cùng kỳ;

- Chi khen thưởng ước quý 2 năm 2024 là **1,634** tỷ đồng, đạt **65,36%** so với dự toán, đạt **63,56%** so dự toán điều chỉnh, đạt **622,70%** so cùng kỳ;

- Chi dự phòng ước quý 2 năm 2024 là **11,259** tỷ đồng, đạt **89,80%** so với dự toán giao và điều chỉnh;

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước quý 2 năm 2024 là **29,437** tỷ đồng, đạt **44,84%** so với dự toán, đạt **40,05%** so dự toán điều chỉnh, đạt **141,69%** so cùng kỳ;

2. Đầu tư Công:

Tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố kể cả điều chỉnh là **1.672,212** tỷ đồng (tăng Chi nguồn chi XDCEB được chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 366,878 tỷ đồng), Trong đó:

- Vốn XDCEB được bố trí năm 2024 là **305,334** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý 0 tỷ đồng (Nguồn XDCEB tập trung **155,334** tỷ đồng, gồm: nguồn vốn CĐNS địa phương **51** tỷ đồng, nguồn sử dụng đất (40%) **17,634** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **86,700** tỷ đồng); Nguồn Chi XDCEB vốn ngân sách thành phố **1.150** tỷ đồng (Ghi thu ghi chi **1.000** tỷ đồng), nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%) **150** tỷ đồng.

- Vốn XDCEB được bố trí năm 2024 kể cả điều chỉnh là **313,642** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý 0 tỷ đồng (Nguồn XDCEB tập trung **163,642** tỷ đồng, gồm: nguồn vốn CĐNS địa phương **51** tỷ đồng, nguồn sử dụng đất (40%) **17,634** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **87,350** tỷ đồng, nguồn CTMTQG xây dựng NTM **7,658** tỷ đồng); Nguồn Chi XDCEB vốn ngân sách thành phố **1.150** tỷ đồng (Ghi thu ghi chi **1.000** tỷ đồng), nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%) **150** tỷ đồng; .

- Giải ngân nguồn vốn XDCB kế hoạch năm 2024 kể cả điều chỉnh thành phố quản lý: Khối lượng thực hiện ước quý 2 năm 2024 là **85,761** tỷ đồng; Giá trị giải ngân ước quý 2 năm 2024 là **84,569** tỷ đồng, đạt **27,64%** so kế hoạch, đạt **26,96%** so kế hoạch điều chỉnh, đạt **88,98%** so cùng kỳ. Cụ thể:

S T T	NỘI DUNG	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2024 (điều chỉnh)	Khối lượng thực hiện		Giải ngân		Đạt tỷ lệ % so với KH đầu năm 2024	Đạt tỷ lệ % so với KH điều chỉnh	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
					KLTH tháng 6/2024	KLTH từ quý 2/2024 (từ tháng 4/2024 đến 30/6/2024)	Giai ngân tháng 6/2024	KLTH từ quý 2/2024 (từ tháng 4/2024 đến 30/6/2024)			
I	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch 2024		305.984	313.642	85.761	85.761	84.569	84.569	27,64	26,96	88,98
1	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	-	-	-	-	-		
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW				-		-			
2	Kho bạc thành phố quản lý		305.984	313.642	85.761	85.761	84.569	84.569	27,64	26,96	88,98
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	51.000	51.000	22.847	22.847	22.347	22.347	43,82	43,82	17.596,06
	+ Đầu tư các dự án		51.000	51.000	22.847	22.847	22.347	22.347	43,82	43,82	
	- Nguồn thu sử dụng đất		167.634	167.634	38.401	38.401	37.709	37.709	22,49	22,49	39,76
	+ Nguồn thu sử dụng đất 60%	SDD	150.000	150.000	38.401	38.401	37.709	37.709	25,14	25,14	85,31
	+ Nguồn sử dụng đất 40% (tính phân bổ GTNT)		17.634	17.634		-		-	-	-	
	- Nguồn XSKT	XS	87.350	87.350	24.513	24.513	24.513	24.513	28,06	28,06	32.684,00
	+ ĐTXD các dự án		60.000	60.000	20.763	20.763	20.763	20.763			
	+ Nhà tình nghĩa + nhà người có công		650	650	290	290	290	290			
	+ GTNT các xã, phường		26.700	26.700	3.460	3.460	3.460	3.460			
	- Nguồn tăng thu XSKT		-	-	-	-	-	-			
	- Nguồn CTMTQG XDNT mới			7.658		-		-			
II	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2023 sang năm 2024		-	109.516	-	-	-	-			
	Chuyển nguồn dự toán: Cảng hàng khách Quốc tế		-	109.516	-	-	-	-			

- Chi XDCB nguồn kết dư ngân sách thành phố (*KH kể cả điều chỉnh 220,200 tỷ đồng*): ước thực hiện quý 2 năm 2024 là **45,566** tỷ đồng đạt **22,06%** so kế hoạch.

- Nguồn vốn XDCB năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 (*KH điều chỉnh 146,678 tỷ đồng*): Thực hiện ước quý 2 năm 2024 là **28,220** tỷ đồng, đạt **19,24%** so kế hoạch điều chỉnh, đạt **59,32%** so cùng kỳ.

3. Công tác chi tiền bồi thường, hỗ trợ và TĐC cho các hộ dân có đất nằm trong các DA bị thu hồi trên địa bàn thành phố Phú Quốc:

Quý 2 năm 2024: Thực hiện chi trả cho **67** hộ dân, với số tiền **73,755** tỷ đồng.

4. Thực hiện nhiệm vụ quý 2 năm 2024:

Tham mưu UBND thành phố các báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

Thực hiện phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chủ đầu tư.

Cung cấp tài liệu các Công trình chăm sóc, duy trì cây xanh (03 gói thầu chăm sóc, duy trì cây xanh trên địa bàn thành phố Phú Quốc cho Sở Tài chính Kiên Giang).

Thực hiện báo cáo theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V tại thành phố Phú Quốc (*Theo Thông báo số 111/TB-KV V ngày 10/6/2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V về Thông báo kết quả kiểm toán tại thành phố Phú Quốc*).

Thực hiện và theo dõi báo cáo tình hình thực hiện công tác thu NSNN theo chỉ đạo của tỉnh (*Công văn số 833/VP-KT ngày 05/3/2024 của Văn phòng HĐND-UBND thành phố về triển khai thực hiện công tác thu NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giai đoạn 2024 – 2025 theo KH số 33/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang*).

Báo cáo (theo PL 1 và PL 2) gửi Sở Tài chính phục vụ HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 theo Công văn số 1025/STC-QLNS ngày 06/5/2024 của Sở Tài chính.

Tham gia đoàn Kiểm tra CCHC theo KH số 73/KH-UBND ngày 20/2/2024 của UBND thành phố Phú Quốc về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2024.

Tổng hợp Báo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 trình UBND thành phố Phú Quốc (trình HĐND thành phố phê duyệt).

Báo cáo thu Ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán chi Ngân sách địa phương; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố trình UBND thành phố Phú Quốc phục vụ kỳ họp HĐND thành phố.

Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã trên địa bàn thành phố.

Thực hiện công tác thẩm định giá, đấu giá tài sản tịch thu, sở hữu nhà nước, tổ tụng hình sự.

Rà soát chuẩn bị cho việc điều chỉnh chuyển lương theo vị trí việc làm theo quy định.

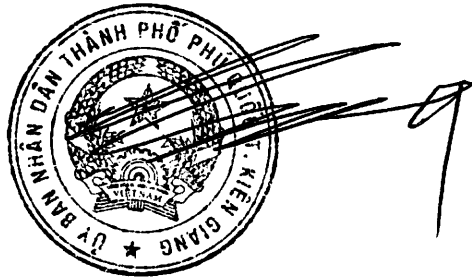
Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, thẩm định đối với công tác quản lý giá theo phân quyền của tỉnh, cập nhật thường xuyên thông tin về giá dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn trên cổng thông tin điện tử Phú Quốc.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách, đầu tư công quý 2 năm 2024 của UBND thành phố./.

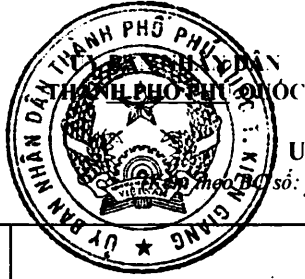
Nơi nhận:

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- LĐ UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TCKH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



Biểu số 93/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 2 NĂM 2024

Số: 453/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	So sánh Thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	2	3=2/I	5=3/2	4=2/ck
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.900.130.000.000	8.900.130.000.000	1.224.132.564.478	13,75	13,75	59,15
I	Thu cân đối NSNN	5.455.130.000.000	5.455.130.000.000	467.437.022.009	8,57	8,57	40,02
I	Thu nội địa	5.455.130.000.000	5.455.130.000.000	467.437.022.009			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			6.416.966.424			3.975,20
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý	3.445.000.000.000	3.445.000.000.000	750.278.576.045	21,78		83,22
IV	Thu viện trợ						
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.994.731.415.242	2.780.620.617.649	341.583.395.349	17,12	12,28	29,06
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	1.929.081.415.242	2.707.116.717.649	312.146.671.248	16,18	11,53	27,03
1	Chi đầu tư phát triển	1.305.334.000.000	1.672.211.854.554	228.496.816.532	17,50	13,66	22,50
2	Chi thường xuyên	548.709.415.242	958.202.177.531	70.459.516.775	12,84	7,35	50,80
3	Chi khen thưởng	2.500.000.000	2.570.840.000	296.846.000	11,87	11,55	198,98
4	Dự phòng ngân sách	12.538.000.000	12.538.000.000	1.634.000.000	13,03	13,03	622,70
5	Chi từ nguồn CCTL	60.000.000.000	61.593.845.564	11.259.491.941	18,77	18,28	
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			-			
II	Chi trợ cấp ngân sách xã	65.650.000.000	73.503.900.000	29.436.724.101	44,84	40,05	141,69



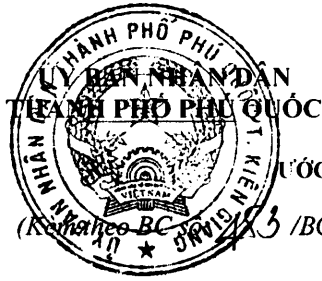
Biểu số 94/CK-NSNN
(Kèm theo T1 343/2016 TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 2 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 453 BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	I	2	3=2/I	3=2/I	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.900.130.000.000	8.900.130.000.000	1.224.132.564.478	13,75	13,75	59,15
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			6.416.966.424			3.975,20
II	Thu cục thuế tỉnh quản lý	3.445.000.000.000	3.445.000.000.000	750.278.576.045			83,22
III	Thu nội địa	5.455.130.000.000	5.455.130.000.000	467.437.022.009	8,57	8,57	40,02
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	64.000.000.000	64.000.000.000	11.476.304.912	17,93	17,93	235,88
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	7.000.000.000	7.000.000.000	1.295.268.583	18,50		113,46
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	18.000.000.000	18.000.000.000	6.544.255.759	36,36	36,36	208,80
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	552.000.000.000	552.000.000.000	149.487.189.669	27,08	27,08	205,07
5	Thuế thu nhập cá nhân	257.000.000.000	257.000.000.000	55.457.110.465	21,58	21,58	97,36
6	Thuế bảo vệ môi trường	118.000.000.000	118.000.000.000	20.536.708.263	17,40	17,40	90,90
7	Lệ phí trước bạ	136.000.000.000	136.000.000.000	24.947.943.027	18,34	18,34	113,55
8	Thu phí, lệ phí	22.000.000.000	22.000.000.000	3.195.104.177	14,52	14,52	122,13
9	Các khoản thu về nhà, đất	4.223.130.000.000	4.223.130.000.000	180.321.076.408	4,27	4,27	18,72
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			110.215.511			
-	Thu tiền sử dụng đất	250.000.000.000	250.000.000.000	76.139.262.120	30,46		97,72
-	Thu tiền sử dụng đất (Các DA do cấp tỉnh quản lý)	2.773.130.000.000	2.773.130.000.000	-			
-	Ghi thu ghi chi	600.000.000.000	600.000.000.000	68.000.000.000	11,33		
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	600.000.000.000	600.000.000.000	36.071.598.777	6,01		4,07
	Trong đó: ghi thu ghi chi	400.000.000.000	400.000.000.000	-			
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
11	Thu khác ngân sách	57.600.000.000	57.600.000.000	13.522.009.482	23,48	23,48	78,62
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
13	Thu cố định tại xã			325.366.000			65,00
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển	300.000.000	300.000.000	44.173.264	14,72		142,38
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	100.000.000	100.000.000				
15	Thu đóng góp			284.512.000			42,86
IV	Thu viện trợ						
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	660.784.000.000	660.784.000.000	249.870.820.743			
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	618.784.000.000	618.784.000.000	234.373.914.705			
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	42.000.000.000	42.000.000.000	15.496.906.038			



Biểu số 95/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 2 NĂM 2024

(Kèm theo BC/UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.994.731.415.242	2.780.620.617.649	341.583.395.349	17,12	12,28	29,06
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.994.731.415.242	2.780.620.617.649	341.583.395.349	17,12	12,28	29,06
I	Chi đầu tư phát triển	1.305.334.000.000	1.672.211.854.554	228.496.816.532	17,50	13,66	22,50
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (TWMT+ tỉnh)	155.334.000.000	155.334.000.000	46.567.915.911	29,98	29,98	
2	Chi XDCB vốn thành phố	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000	105.708.816.656	9,19	9,19	
3	Chi XDCB vốn thành phố (nguồn vốn được phép kéo dài năm 20223 sang năm 2024)		366.877.854.554	76.220.083.965		20,78	133,63
II	Chi thường xuyên	548.709.415.242	958.202.177.531	70.459.516.775	12,84	7,35	50,80
	Trong đó:						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	253.798.678.206	274.030.410.413	56.726.928.267	22,35	20,70	110,35
2	Chi y tế, dân số và gia đình						-
3	Chi văn hóa thông tin	6.372.910.815	6.413.885.906	1.561.608.168	24,50	24,35	98,97
4	Chi phát thanh, truyền hình	1.348.676.250	1.348.676.250	173.577.154	12,87	12,87	2.523,57
5	Chi thể dục thể thao	577.471.875	577.471.875	159.815.520	27,68	27,68	210,73
6	Chi sự nghiệp môi trường, du lịch	73.000.000.000	73.000.000.000	10.000.000.000	13,70	13,70	42,98
7	Chi hoạt động kinh tế	144.850.351.342	526.340.104.070	(14.301.790.782)	(9,87)	(2,72)	(172,67)
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	54.871.326.754	59.601.802.935	12.771.163.774	23,27	21,43	73,88
9	Chi bảo đảm xã hội	10.121.000.000	13.120.826.082	2.428.214.674	23,99	18,51	85,86
10	Chi khác	3.769.000.000	3.769.000.000	940.000.000	24,94	24,94	81,28
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	60.000.000.000	61.593.845.564	296.846.000	0,49	0,48	198,98
IV	Chi khen thưởng	2.500.000.000	2.570.840.000	1.634.000.000	65,36	63,56	622,70
V	Dự phòng ngân sách	12.538.000.000	12.538.000.000	11.259.491.941	89,80	89,80	
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã	65.650.000.000	73.503.900.000	29.436.724.101	44,84	40,05	141,69
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			58.195.615.911			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			46.567.915.911			
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			11.627.700.000			